TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/7/2017.
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Nuôi.
- ***Các Hội thẩm nhân dân***:

1/ Ông Nguyễn Trung Diễn.

2/ Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B***: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2017, về việc: "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2017/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hỗn phiên tòa số: 332/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Lê Mỹ P**, sinh năm: 1989.

Hộ khẩu thường trú: 92/2A tổ 16, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm: 1984.

Hộ khẩu thường trú: 02 khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T và chị P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Lê Mỹ P như sau:

Chị và anh Nguyễn Anh T kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân tự nguyện, có làm lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chồng không có trách

nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chông không còn nữa nên chị xin ly hôn.

Về con chung có 02 cháu: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/02/2014 và Nguyễn Lê Thục U, sinh ngày 06/6/2015. Hiện các cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo lời khai của anh Nguyễn Anh T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như lời khai của chị P. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc làm của anh có sự thay đổi nên thu nhập thấp, không đáp ứng theo yêu cầu của chị P. Ngoài ra do bất đồng quan điểm sống, chị P hay nghe lời mẹ đẻ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Như chị P khai, nếu giải quyết ly hôn anh xin nuôi cháu P, còn cháu U giao cho chị P nuôi, không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Qua hòa giải các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án xét xử.

Ngày 30/6/2017, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng anh T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vào ngày 26/7/2017, anh T có mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, đến lúc xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Pháp luật Tố tụng Dân sự. Vụ kiện được giải quyết trong thời gian quy định.

Về các đương sự: Chị P và anh T đã có mặt đầy đủ, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Chị P xin ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa anh T cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, cho chị P ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung có 02 cháu: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/02/2014 và Nguyễn Lê Thục U, sinh ngày 09/6/2015. Giao cả 02 cháu cho chị P nuôi, do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng, nên không xem xét.

Tài sản chung và nợ chung cả hai khai không có nên không xem xét.

Aùn phí chị P phải nộp theo quy định.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết hợp các chứng cứ có tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lê Mỹ P và anh Nguyễn Anh T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014/KH, quyển số 01, ngày 17/02/2014, do Ủy ban nhân dân phường A cấp. Hai bên có làm lễ cưới, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, được xem xét giải quyết.

[2]. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn là có thật, việc này cũng được anh T thừa nhận. Mặt khác qua xác minh của Tòa án ngày 28/5/2017 được Trưởng khu phố xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh T thường xuyên xẩy ra, anh T không có trách nhiệm với vợ con và hay quậy phá, vợ chồng anh T đã ly thân, chị P đã bỏ về ở với cha mẹ tại khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân từ năm 2016 cho tới nay.

Theo chị P khai nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm với vợ, con. Còn anh T khai do hồn cảnh thay đổi công việc nên không đáp ứng tiền bạc theo yêu cầu của chị P. Ngồi ra anh T cho rằng chị P nghe lời mẹ đẻ nên mâu thuẫn trầm trọng. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh cũng chấp nhận ly hôn với chị Pï. Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có hai cháu là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/02/2014 và Nguyễn Lê Thục U, sinh ngày 09/6/2015. Chị P có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không cần anh T cấp dưỡng.

Xét thấy cả hai cháu còn nhỏ, anh T lại không có điều kiện chăm sóc, công việc làm và thu nhập không bảo đảm. Tại phiên tòa anh T đồng ý giao hai cháu cho chị P nuôi. Vì vậy, giao cả 02 cháu cho chị P nuôi là phù hợp, do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh T được quyền đi lại thăm con, khi cần thiết cả anh T và chị P được quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[5]. Aùn phí ly hôn chị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Aùp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uûy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về án phí, lệ phí Tồ án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Lê Mỹ P.

Cho chị Nguyễn Lê Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Có hai cháu là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/02/2014 và Nguyễn Lê Thục U, sinh ngày 09/6/2015. Giao cả hai cháu cho chị P nuôi, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con không ai ngăn cản. Khi cần thiết, chị P và anh T cóù quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đặt ra giải quyết.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B (Biên lai thu số: 003610, ngày 07/02/ 2017).

Báo cho chị P và anh T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TP. B;
- UBND phường A, TP. B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nuôi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trung Diễn **Nguyễn Thái Hòa** **Nguyễn Văn Nuôi**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các HTND **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Nuôi